

Số: 316 /CB -BVLH

Lộc Hà, ngày 03 tháng 10 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: **Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà**
Số giấy phép hoạt động số 419/HT-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Hà Tĩnh
ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Địa chỉ: Thôn Khánh Yên, xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Thạc sĩ, Bác sĩ Dương Hùng Anh.

Điện thoại liên hệ: 0986.272.840

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- 1.1. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa.
- 1.2. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.
- 1.3. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt.
- 1.4. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng.
- 1.5. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Nội.
- 1.6. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Ngoại.
- 1.7. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phụ sản.
- 1.8. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Mắt.
- 1.9. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Tai mũi họng.
- 1.10. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phục hồi chức năng.
- 1.11. Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.
- 1.12. Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng.
- 1.13. Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học
- 1.14. Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học.
- 1.15. Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.
- 1.16. Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.
- 1.17. Y sĩ với phạm vi hành nghề Đa khoa
- 1.18. Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 1)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

TT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa.	10
2	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.	5
3	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt.	5
4	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng.	5
5	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Nội	5
6	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Ngoại	5
7	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phụ sản.	5
8	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Mắt.	5
9	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Tai mũi họng.	5
10	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phục hồi chức năng.	5
11	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	5
12	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng.	20
13	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	5
14	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học.	5
15	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.	5
16	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	5
17	Y sĩ với phạm vi hành nghề Đa khoa	10
18	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.	5

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

TT	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên
2.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên
3.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên
4.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 12 tháng = 5.400.000 đ/1 học viên

5.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Nội	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
6.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Ngoại	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
7.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phụ sản.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
8.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Mắt.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
9.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Tai mũi họng.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
10.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Phục hồi chức năng.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
11.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
12.	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên
13.	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên
14.	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên
15.	Kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên
16.	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 6 tháng = 2.700.000 đ/1 học viên
17.	Y sĩ với phạm vi hành nghề Đa khoa	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên
18.	Y sĩ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền.	450.000 đ/tháng/1 học viên x 9 tháng = 4.050.000 đ/1 học viên

Bệnh viện đa khoa Lộc Hà cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế Hà Tĩnh xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Đương Hùng Anh